

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 51/2017/HSST

Ngày 19/12/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M– TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Khay và ông Luyện Văn Việt;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh – Cán bộ Toà

án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Phụng –
Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện M

Ngày 19/12/2017, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện M mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2017/HSST ngày 15/11/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2017/HSST - QĐ ngày 04/12/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1973;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 04/12;

Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1931 và bà Nguyễn Thị N (Thị L), sinh năm 1930; Gia đình có 09 anh chị em; bị cáo là thứ 8;

Có vợ là Nguyễn Thị C và 02 con đều sinh năm 1997;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Tháng 9/2016, Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Nhân thân:

+ Năm 2002, Công an quận T, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc;

+ Tháng 10/2003, Công an huyện M, tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản;

+ Tháng 4/2004, Công an xã P, huyện G, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản;

+ Tháng 6/2004, Công an xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản;

+ Năm 2005, TAND huyện V, tỉnh Hưng Yên xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

+ Năm 2008, TAND quận T, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy;

Bị bắt tạm giam từ ngày 29/7/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

Người bị hại:

1. Ông Đào Văn B, sinh năm 1958; trú tại thôn L, xã D, huyện M, tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt;

2. Chị Quách N, sinh năm 1976; trú tại thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Có mặt;

3. Ông Lê Văn A, sinh năm 1959; trú tại thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên; chỗ ở: thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hưng Yên truy tố về các hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 23 giờ 10 phút ngày 27/7/2017, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Airblade, sơn màu trắng đen, không có biển số, không đội mũ bảo hiểm đi đến khu vực ngã tư đường T, phố B, quận H, thành phố Hà Nội thì bị tổ công tác 141 dừng xe để kiểm tra hành chính, H liền vứt xuống đất gần chân phải một thanh sắt bằng kim loại dài khoảng 10cm, một đầu mài mòn vẹt, một đầu tay cầm bằng kim loại sáng màu có dòng chữ “TOP GERMANY CHROME VANADIUM 8mm”. Kiểm tra phương tiện xe không có chìa khóa xe, dùng thanh kim loại trên để mở khóa điện, thấy bên trong cốp xe có một chiếc búa dài khoảng 35cm, phần cán bằng gỗ màu vàng, phần đầu búa bằng kim loại dài khoảng 15cm, bản rộng 3cm, một đầu được mài vẹt. Kiểm tra trong người H có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 230 vỏ màu đen. Tổ công tác đã đưa H về phường N, quận H, thành phố Hà Nội để làm việc.

Tại Công an Phường N, H khai: Trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2017, H đã thực hiện 03 hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện M và huyện V, tỉnh Hưng Yên, sau đó H bỏ trốn lên thành phố Hà Nội và quen một đối tượng tên T (chưa rõ họ, tên đệm và địa chỉ) là lái xe ôm ở khu vực bến xe Gia Lâm thuộc Phường G, quận L, thành phố Hà Nội, T sử dụng điện thoại có số thuê bao 0981832304. Do không có xe nên H đã mượn T chiếc xe mô tô nêu trên để làm phương tiện đi lại.

Ngày 28/7/2017, Công an phường N đã bàn giao đối tượng Nguyễn Văn H cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M cùng với các vật chứng nêu trên.

Quá trình điều tra xác định: Do không có tiền nên Nguyễn Văn H đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản mang bán lấy tiền tiêu sài. Trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2017, H đã thực hiện 03 hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện M và huyện V, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 01 giờ ngày 28/5/2017, H đi xe đạp lang thang tìm nơi sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến ngã ba thuộc thôn L, xã D, huyện M, tỉnh Hưng Yên, H rẽ vào đường đất rồi đi qua cổng Công ty TNHH Q, H phát hiện thấy cạnh phòng bảo vệ có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream, sơn màu nâu, biển số đăng ký 89F1- 051.78 là xe của ông Đào Văn B sinh năm 1958 ở thôn L, xã D, huyện M, tỉnh Hưng Yên, H liền nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe mô tô

trên. H quay đầu xe đạp lại và đi ra đoạn gần ngã ba thuộc thôn L, dựng xe đạp vào dẽ cỏ gần nương nước. Sau đó, H quay lại cổng Công ty Q thấy cửa cổng mở, bên trong đèn sáng, xung quanh không có người, H đi đến chỗ dựng chiếc xe mô tô biển số đăng ký 89F1- 051.78 thấy bị khóa cổ. H quay ra phòng bảo vệ tìm chìa khóa, lúc này cửa chính phòng bảo vệ cài chốt bên trong nên H không vào được. H nhìn qua cửa sổ ngay cạnh cửa chính của phòng bảo vệ thấy trên mặt bàn kê ti vi để 01 chiếc chìa khóa, H đi ra bên ngoài đường, mở cửa sổ ngoài người vào bên trong lấy được chiếc chìa khóa trên. Sau đó, H đi ra chỗ dựng xe đạp của H lúc trước rồi đẩy chiếc xe đạp xuống nương nước. H quay lại nơi dựng chiếc xe mô tô biển số đăng ký 89F1- 051.78 cắm chìa khóa vào ổ khóa điện, gạt chân trống và dắt chiếc xe mô tô ra ngoài cổng công ty, nổ máy và điều khiển xe mô tô đi lên Hà Nội. Khi đi đến khu vực vườn hoa Ngọc Lâm thuộc phường N, quận L, thành phố Hà Nội, H điện thoại rủ N (chưa rõ tên đệm) ở khu vực khu vực vườn hoa Ngọc Lâm thuộc phường N đi bán chiếc xe mô tô biển số đăng ký 89F1- 051.78, N đồng ý. Sau đó, H và N đi đến khu vực T, thành phố Hà Nội bán chiếc xe mô tô biển số đăng ký 89F1- 051.78 cho một người đàn ông (không rõ tên tuổi địa chỉ) được 2.000.000 đồng. Số tiền trên H cho N ghi 500.000 đồng còn lại H một mình tiêu sài hết.

Ngày 28/5/2017, ông Đào Văn B làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐ ngày 30/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện M, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream sơn màu nâu, biển số đăng ký 89F1-051.78 có giá trị còn lại là 14.000.000đồng.

Quá trình điều tra xác định Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream sơn màu nâu, biển số đăng ký 89F1-051.78 là tài sản của ông Đào Văn B. Do chiếc xe mô tô trên chưa thu giữ được nên ông B yêu cầu H phải bồi thường cho ông giá trị chiếc xe mô tô theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản là 14.000.000đồng.

Đối với chiếc xe đạp H khai sử dụng để đi trộm cắp tài sản, H đã vứt xuống nương nước gần Công ty Q. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

Đối với chiếc điện thoại di động H khai sử dụng để liên lạc với N, rủ N đi bán chiếc xe mô tô biển số đăng ký 89F1- 051.78, H đã làm rơi mất, H không biết rơi ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với đối tượng tên N, H khai: Khi rủ N đi bán chiếc xe mô tô biển số đăng ký 89F1-051.78, H nói cho N biết chiếc xe mô tô trên là do H phạm tội mà có. Qua rà soát tại địa bàn phường N, quận L, thành phố Hà Nội có một đối tượng là Nguyễn Minh N sinh năm 1995 HKTT ở số 6/14/27 phố L 1, phường N, quận L, thành phố Hà Nội nhưng hiện nay N không có mặt tại địa phương. Đồng thời, hành vi rủ N đi bán chiếc xe mô tô biển số đăng ký 89F1-051.78 xảy ra tại khu vực vườn hoa Ngọc Lâm thuộc phường N, quận L, thành phố Hà Nội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L, thành phố Hà Nội để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với người đàn ông (chưa rõ tên tuổi, địa chỉ), H khai đã mua chiếc xe mô tô biển số đăng ký 89F1-051.78 của H và N ở khu vực T, thành phố Hà Nội. Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã cho H chỉ dẫn đến nơi H và N đã bán xe nhưng H không nhớ được địa chỉ nơi đã bán chiếc xe mô tô trên.

Vụ thứ hai:

Khoảng 01 giờ ngày 26/4/2017, H đi bộ đến khu vực thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên mục đích để xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp tài sản. H phát hiện thấy nhà của ông Lê Văn A sinh năm 1959 (đăng ký hộ khẩu thường trú thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên) cửa nhà hé mở, H đẩy cửa đi vào bên trong thấy gần cửa ra vào dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel, sơn màu xanh, biển số đăng ký 89H4-2187 chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện. H tiếp tục đi vào bên trong thấy trên ghế nhựa gần giường ngủ có để một chiếc quần dài tối màu, H thò tay vào túi quần thì lấy được 01 chiếc ví giả da. H cầm chiếc ví và quay ra chỗ dựng chiếc xe mô tô biển số đăng ký 89H4-2187, rồi dắt xe mô tô ra ngoài nổ máy phóng đi. Trên đường đi đến khu vực xã L, huyện V, H dừng xe mô tô lại bỏ chiếc ví ra xem thấy bên trong có 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Lê Văn A, 01 đăng ký xe mô tô biển số 89H4-2187 mang tên Nguyễn Văn T sinh năm 1979, Hộ khẩu thường trú thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên và số tiền 250.000đồng. H cầm số tiền và đăng ký xe mô tô còn chiếc ví và giấy tờ còn lại H vứt lại ở rìa đường. Sau đó, H điều khiển xe mô tô biển số đăng ký 89H4-2187 đến xã L, huyện V vào phòng trọ của V (chưa rõ họ, tên đệm và địa chỉ) rủ V đi bán chiếc xe mô tô biển số đăng ký 89H4-2187, V đồng ý. Khoảng 07 giờ sáng cùng ngày, V điều khiển xe mô tô biển số 89H4-2187 chở H đến cửa hàng sửa chữa và mua bán xe máy ở thôn Đ, xã C, huyện V, H và V vào bán chiếc xe mô tô biển số đăng ký 89H4-2187 cho anh Lê Văn M sinh năm 1980. Sau khi xem xe và đăng ký xe, anh M nhận ra chiếc xe mô tô trên là của ông Lê Văn A (là anh trai của anh M) nên anh M đã giữ xe mô tô và giấy tờ lại. Thấy vậy, H và V bỏ chạy. Sau đó, H quay lại chỗ vứt chiếc ví và giấy tờ của ông A, H lấy giấy phép lái xe mang về nhà cất giấu còn chiếc ví và giấy chứng minh nhân dân của ông A, H vứt lại ở rìa đường. Số tiền 250.000đồng H một mình ăn tiêu hết.

Ngày 01/8/2017 ông Lê Văn A làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên và đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel sơn màu xanh biển số đăng ký 89H4-2187 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐ ngày 23/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện V, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel sơn màu xanh, biển số đăng ký 89H4-2187 có giá trị còn lại là 3.000.000đồng.

Ngày 06/8/2017, anh Nguyễn Văn L sinh năm 1961 ở thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (là anh trai của H) đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Văn A.

Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel sơn màu xanh, biển số đăng ký 89H4-2187 là tài sản của anh Nguyễn Văn T ở thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Do không có nhu cầu sử dụng anh Tuyến đã bán lại chiếc xe mô tô trên cho anh Lê Văn M và anh M bán lại cho ông Lê Văn A. Ngày 26/9/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại cho ông Lê Văn A chiếc xe mô tô trên cùng 01 đăng ký xe mô tô và 01 giấy phép lái xe. Ông Anh đã nhận lại tài sản và các giấy tờ nêu trên không yêu cầu đề nghị gì.

Đối với chiếc ví giả da và giấy chứng minh nhân dân mang tên ông Lê Văn A, H đã vứt đi nhưng không nhớ vứt ở đâu nên cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được. Đến nay ông A không yêu cầu H phải bồi thường cho ông giá trị của chiếc ví, chỉ phí làm lại giấy chứng minh nhân dân và số tiền 250.000đồng.

Đối với đối tượng tên V, H khai: Trước khi đi bán chiếc xe mô tô biển số đăng ký 89H4-2187, H nói cho V biết chiếc xe mô tô trên là do H phạm tội mà có. Qua rà soát tại xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên có một đối tượng là Phạm Văn V sinh năm 1991 ở thôn C, xã C, huyện V. Hiện nay V không có mặt tại địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách hành vi của V ra để tiếp tục xác minh nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Vụ thứ ba:

Khoảng 05 giờ ngày 07/7/2017, H đi bộ vào chợ Như Quỳnh thuộc thị trấn N, huyện V và mang theo chìa khóa tự chế xem ai có tài sản sở hữu thì trộm cắp mang bán lấy tiền tiêu sài. H phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream sơn màu nâu, biển số đăng ký 89M1-08874 của chị Quách Thị N sinh năm 1976, Hộ khẩu thường trú thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên đang dựng trước cửa hàng quần áo của gia đình chị Nguyễn Thị T, lúc này xung quanh không có người nên H nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe mô tô trên. H đi lại gần chỗ dựng chiếc xe mô tô biển số 89M1-08874 rồi lấy từ trong túi quần của H ra một chiếc chìa khóa tự chế bằng kim loại tra vào ổ khóa điện xe mô tô rồi vặn thì mở được. Sau đó, H ngồi lên xe mô tô, nổ máy điều khiển xe mô tô đi ra quốc lộ 5A theo chiều đường Hải Phòng - Hà Nội đến khu vực bến xe Gia Lâm thuộc Phường G, quận L, thành phố Hà Nội bán cho hai nam thanh niên tên là T và T được 2.500.000đồng. Số tiền này H đã tiêu sài hết. Cùng ngày, chị Quách Thị N làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐG ngày 23/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện V kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream sơn màu nâu, biển số đăng ký 89M1- 08874 có giá trị 14.000.000đồng.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream, sơn màu nâu, biển số đăng ký 89M1- 08874 là tài sản của chị Quách Thị N. Do chiếc xe chưa thu hồi được nên chị N yêu cầu H phải bồi thường cho chị giá trị chiếc xe mô tô theo kết luận của Hội đồng định giá là 14.000.000 đồng.

Đối với đối tượng tên T và Th (đều chưa rõ họ, tên đệm và địa chỉ) H khai đã mua xe mô tô biển số đăng ký 89M1- 08874 của H ở khu vực bến xe Gia Lâm thuộc phường G, quận L, thành phố Hà Nội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã thông báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận L, thành phố Hà Nội để tiếp tục xác minh giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với đối tượng tên T, H khai đã mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Airblade, sơn màu trắng đen, không có biển số của T (không rõ họ, tên đệm) ở khu vực đường Đ, phường B, quận H, thành phố Hà Nội, T sử dụng điện thoại có số thuê bao 0981832304, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã tiến hành rà soát và xác minh số thuê bao 0981832304 xác định là số thuê bao của Nguyễn Ngọc T sinh ngày 25/2/1974 có Hộ khẩu thường trú số 17, tổ 2 khối 1 thị trấn Đ, huyện G, thành phố Hà Nội. Năm 2004 địa chỉ trên đã được thay đổi địa dư hành

chính thành tổ 10, phường T, quận L, thành phố Hà Nội. Hiện nay, T không có mặt tại địa phương nên cơ quan điều tra chưa làm việc được.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Airblade, sơn màu trắng, không biển số và không có chìa khóa xe. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là tài sản của anh Ninh Thành A sinh năm 1991 trú tại 34A, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Ngày 26/7/2017 anh A cho T mượn nên ngày 22/9/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh A.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 230 vỏ màu đen (bên trong nắp 01 sim) thu giữ của H. Quá trình điều tra xác định là tài sản của H, H sử dụng để liên lạc hàng ngày không liên quan đến việc phạm tội, nhưng H không có yêu cầu nhận lại chiếc điện thoại trên.

Đối với 01 thanh sắt bằng kim loại dài khoảng 10cm, H không thừa nhận là tài sản của H, 01 chiếc búa đã thu giữ trong cốp xe mô tô H mượn xe của T, H không biết của ai. Do vậy, không xác định được chủ sở hữu những tài sản nói trên.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 50/QĐ - VKS - HS ngày 14/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tại phiên tòa:

+ Người bị hại là chị Quách Thị N yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 14.000.000 đồng tương ứng với giá trị tài sản bị mất và đề nghị Hội đồng xét xử xử lý nghiêm bị cáo;

+ Bị cáo Nguyễn Văn H thành khẩn khai nhận về các hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 BLHS; các Điều 584, 585, 586; Điều 589; Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS; điểm b, d khoản 2 Điều 76; Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử phạt Bị cáo Nguyễn Văn H từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/7/2017; trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho ông Đào Văn B, sinh năm 1958, trú tại thôn L, xã D, huyện M, tỉnh Hưng Yên số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng; buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho chị Quách Thị N, sinh năm 1976, trú tại thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng;

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án; vật chứng: tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 230 màu đỏ đen trong có 01 sim; tịch thu cho tiêu huỷ 01 thanh kim loại dài 10cm, một đầu mài mòn vẹt và

01 chiếc búa dài 35cm, phần cán bằng gỗ màu vàng; bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.400.000 đồng án phí dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của các người bị hại là ông Đào Văn B (BL 25), ông Lê Văn A (BL 222) và chị Quách Thị N, lời khai của các người làm chứng là anh Nguyễn Văn Q là anh họ của bị cáo (BL 45), anh Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Văn L là hai anh ruột của bị cáo, anh Lê Văn M là người đã giao dịch với bị cáo để hỏi mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel BKS 89H4 - 2187, các chị Lê Thị B, Nguyễn Thị N là các tiểu thương buôn bán tại chợ Như Quỳnh biết sự việc chị N bị mất xe mô tô (BL 267 - 268, 273), Biên bản chỉ dẫn (BL70), Biên bản thực nghiệm điều tra (BL76), các bản ảnh được trích xuất từ Camera của Công ty TNHH Q vào sáng ngày 28/5/2017, vật chứng đã thu giữ là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel BKS 89H4 - 2187 cùng đăng ký xe và Giấy phép lái xe của ông Lê Văn A, các Kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ căn cứ xác định: Ngày 28/5/2017, tại Công ty TNHH Q có trụ sở tại thôn L, xã D, huyện M, tỉnh Hưng Yên, bị cáo H đã lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream BKS 89F1 - 051.78 có giá trị 14.000.0000 đồng của ông Đào Văn B; ngày 26/4/2017, tại nhà của ông Lê Văn A ở thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên, bị cáo H lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel BKS 98H4 - 2187 có giá trị 3.000.000 đồng cùng 250.000 đồng của ông Lê Văn A và khoảng 5 giờ ngày 07/7/2017 tại khu vực chợ Như Quỳnh thuộc thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên, bị cáo H tiếp tục lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream BKS 89M1 - 088.74 có giá trị 14.000.000 đồng của chị Quách N; tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 31.250.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đi lang thang, lợi dụng đêm tối, quan sát thấy người dân sơ hở trong việc quản lý tài sản là xe mô tô thì vào dắt trộm xe mang đi bán lấy tiền tiêu sài đã thoả mãn đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Giá trị tài sản trong từng lần bị cáo chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng và tổng giá trị tài sản trong ba lần trộm cắp là 31.250.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người nghiện ma túy và có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính và bị Toà án kết án về nhiều hành vi vi phạm pháp luật khác nhau trong đó phần nhiều là về hành vi Trộm cắp tài sản, nhưng không lấy đó làm bài học để sửa chữa, rèn luyện, tích cực lao động, tạo lập việc làm ổn định tạo ra thu nhập hợp pháp cho bản thân và gia đình, mà bị cáo lại tiếp tục thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản với đối tượng là xe mô tô trên địa bàn hai huyện V và M, thể hiện sự liều lĩnh, ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo, các hành vi phạm tội này đã gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho đông đảo người dân sinh sống tại

các địa phương nói trên, bị nhân dân lên án mạnh mẽ. Bị cáo lấy trộm ba chiếc xe mô tô và mỗi chiếc đều có giá trị trên 2.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Cho nên cần áp dụng hình phạt nghiêm minh, ở mức cao của khung hình phạt mới tương xứng với tính chất, mức độ, đặc điểm nhân thân, hậu quả của hành vi phạm tội và tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức tuân thủ pháp luật và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS; đồng thời tuy các hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã bị chủ sở hữu cũng như một số người dân phát hiện và người bị hại đã có đơn trình báo, nhưng trước khi bị Cơ quan điều tra huyện M và V khởi tố bị can thì H đã khai nhận tại Công an phường N tạo điều kiện cho Cơ quan tố tụng chứng minh tội phạm nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo cung cấp của chính quyền địa phương nơi bị cáo **thường trú, thì bị cáo H là người nghiện ma túy, thường sống lang thang nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả bị cáo.**

[4] Trách nhiệm dân sự: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream BKS 89F1 - 051.78 bị cáo chiếm đoạt của ông Đào Văn B và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream BKS 89M1 - 088.74 bị cáo chiếm đoạt của chị Quách Thị N, bị cáo đã bán, không thu hồi được; việc chủ sở hữu là ông B và chị N đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản bị mất theo kết luận của Hội đồng định giá là có căn cứ, nên buộc bị cáo phải bồi thường cho ông B số tiền 14.000.000 đồng và buộc bị cáo bồi thường cho chị N số tiền 14.000.000 đồng.

Đối với chiếc ví giả da, chi phí làm lại Giấy chứng minh nhân dân và số tiền 250.000 đồng bị cáo chiếm đoạt của ông Lê Văn A, do người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[5] Vật chứng: Thanh kim loại dài 10cm, có một đầu mài mòn vẹt, được Cơ quan Công an thu giữ tại mặt đường, gần với chân của bị cáo, nhưng H không thừa nhận là của bị cáo; chiếc búa được thu giữ trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airbade, sơn màu trắng mà theo bị cáo khai là xe mượn của anh T, nhưng bị cáo không biết chiếc búa là của ai, anh T hiện không có mặt tại nơi cư trú nên không có lời khai trong hồ sơ, còn chiếc xe mô tô, Cơ quan điều tra xác định thuộc sở hữu của anh Ninh Thành A, sinh năm 1991, trú tại số 34A, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội và đã trả lại cho anh A. Như vậy, không có căn cứ xác định chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của những đồ vật trên nên tịch thu cho tiêu hủy;

Chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 230 bên trong nắp 01 sim là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo, tuy không liên quan tới hành vi phạm tội, nhưng bị cáo không yêu cầu nhận lại, nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[6] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội Trộm cắp tài sản;
2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 BLHS; các Điều 584, 585, 586; Điều 589; Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS; điểm b, đ khoản 2 Điều 76; Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
3. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/7/2017;
4. Trách nhiệm dân sự:
 - + Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho ông Đào Văn B, sinh năm 1958, trú tại thôn L, xã D, huyện M, tỉnh Hưng Yên số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng;
 - + Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho chị Quách Thị N, sinh năm 1976, trú tại thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng;

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án;

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;
5. Vật chứng:
 - + Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 230 màu đỏ đen bên trong lắp 01 sim;
 - + Tịch thu cho tiêu huỷ 01 thanh kim loại dài 10cm, một đầu mài mòn vệt và 01 chiếc búa dài 35cm, phần cán bằng gỗ màu vàng;

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 40/QĐ - VKS ngày 14/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M với Chi cục Thi hành án dân sự huyện M);
6. Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng án phí dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đã báo cho bị cáo và người bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND huyện;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Bị cáo;
- Các đương sự:
- Lưu VP;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Tuấn Trọng